

Số: /2025/TT-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) (sau đây gọi là nhân sự) theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

2. Việc chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại Nhà nước; việc chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự đối với những nhân sự do chủ sở hữu phần vốn Nhà nước cử hoặc giới thiệu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ thực hiện theo các văn bản về công tác cán bộ của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (sau đây gọi là tổ chức tín dụng).

2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 3. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được lập theo nguyên tắc sau:

a) Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Trường hợp văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam (trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự) và dịch ra tiếng Việt;

b) Các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải được công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định của pháp luật;

c) Các bản sao hồ sơ, tài liệu của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm phải là bản sao từ sổ gốc hoặc là bản sao được chứng thực từ bản chính theo quy định của pháp luật;

d) Các văn bản do nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm tự lập phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.

2. Văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự:

a) Đối với tổ chức tín dụng: Văn bản do người đại diện theo pháp luật ký.

Trường hợp tổ chức tín dụng khuyết người đại diện theo pháp luật, văn bản đề nghị của tổ chức tín dụng là văn bản của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên ký. Trường hợp người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho người khác ký hoặc trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác, thành viên Hội đồng thành viên khác ký hoặc trường hợp người đại diện có thẩm quyền của Chủ sở hữu ủy quyền cho người khác ký thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định của pháp luật và hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật;

Đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khuyết người đại diện theo pháp luật, không có Chủ tịch Hội đồng thành viên và Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng không đủ số lượng thành viên tối thiểu hoặc còn 01 thành viên, văn bản đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng phải do người đại diện có thẩm quyền của Chủ sở hữu ký.

b) Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài: Văn bản do Tổng giám đốc (Giám đốc) ký. Trường hợp Tổng giám đốc (Giám đốc) ủy quyền cho người khác ký, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc), đại diện có thẩm quyền của ngân hàng nước ngoài ký văn bản đề nghị.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua

dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước Khu vực) theo thẩm quyền quy định tại Điều 4 Thông tư này.

4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ.

Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại.

2. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng xem xét, chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực xem xét, chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở trên địa bàn, thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước Khu vực.

Điều 5. Thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự

Văn bản của Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hiệu lực trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký. Quá thời hạn này, việc bầu, bổ nhiệm nhân sự của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được hoàn thành thì văn bản của Ngân hàng Nhà nước chấp thuận dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đương nhiên hết hiệu lực.

Điều 6. Về đánh giá có đạo đức nghề nghiệp đối với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Những người thuộc trường hợp sau đây được đánh giá là không đảm bảo có đạo đức nghề nghiệp:

a) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận kiểm tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;

b) Người được nêu tên tại kết luận thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

c) Người bị xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

d) Người phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các vi phạm về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn, phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật nêu tại kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán mà kiến nghị liên quan đến các vi phạm đó chưa được cấp có thẩm quyền đánh giá đã hoàn thành việc khắc phục, chỉnh sửa.

2. Đối với các trường hợp không thuộc khoản 1 Điều này, trong quá trình công tác tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, nhân sự dự kiến phải đáp ứng các quy định về quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp do chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó ban hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, trừ trường hợp cấp phép mới.

3. Đối với các trường hợp nhân sự dự kiến có thời gian công tác tại tổ chức tín dụng nước ngoài, nhân sự dự kiến phải đáp ứng các quy định về quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp do chính tổ chức tín dụng nước ngoài đó ban hành (nếu có).

Chương II

THỦ TỤC, HỒ SƠ CHẤP THUẬN DANH SÁCH DỰ KIẾN NHÂN SỰ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

Điều 7. Hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng

1. Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:

a) Lý do của việc bầu, bổ nhiệm nhân sự;

b) Danh sách dự kiến nhân sự, trong đó nêu rõ: họ và tên, chức danh, đơn vị công tác hiện tại; chức danh dự kiến được bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tín dụng; tên cá nhân, tổ chức đề cử; tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp mà nhân sự dự kiến làm người đại diện theo ủy quyền của tổ chức đề cử (nếu có);

c) Cơ cấu, danh sách các thành viên của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát hiện tại và dự kiến sau khi bầu, bổ nhiệm của tổ chức tín dụng (trường hợp dự kiến nhân sự bầu, bổ nhiệm vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát), trong đó:

(i) Đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần: nêu rõ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, số lượng thành viên độc lập, thành viên không phải là người điều hành, số lượng thành viên là người có liên quan với nhau, số lượng thành viên Ban kiểm soát;

(ii) Đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn: nêu rõ số lượng thành viên Hội đồng thành viên, số lượng thành viên Ban kiểm soát.

d) Đánh giá về việc nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm đảm bảo đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan, trong đó đánh giá cụ thể việc đáp ứng đối với từng điều kiện.

đ) Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Văn bản thông qua danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng (đối với Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát phải nêu rõ nhiệm kỳ), cụ thể:

a) Đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần: Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

b) Đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của Chủ sở hữu;

c) Đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:

(i) Trường hợp dự kiến bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của các thành viên góp vốn;

(ii) Trường hợp dự kiến bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc): Nghị quyết của Hội đồng thành viên.

3. Lý lịch cá nhân của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm:

a) Đối với nhân sự dự kiến có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

b) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì chủ sở hữu (đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên), thành viên góp vốn (đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên), cổ đông, nhóm cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần) đề cử nhân sự dự kiến

phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng;

c) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm a, điểm b khoản này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tín dụng nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự không quá 06 tháng.

Nhân sự dự kiến có thể xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật.

5. Bản kê khai người có liên quan của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó văn bằng của người có quốc tịch Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định của pháp luật có liên quan.

7. Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhân sự dự kiến giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên tổ chức tín dụng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng, cụ thể:

a) Đối với điều kiện “có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng”:

(i) Nội dung Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định về người quản lý, điều hành;

(ii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ (trong đó có nội dung xác nhận nhân sự là người quản lý, người điều hành) của nhân sự hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại tổ chức tín dụng của nhân sự.

b) Đối với điều kiện “có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng”:

(i) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoặc xác nhận hoặc đăng ký hoạt động của doanh nghiệp;

(ii) Nội dung Điều lệ của doanh nghiệp quy định về người quản lý hoặc quy định nội bộ của doanh nghiệp trường hợp nội dung Điều lệ không quy định về người quản lý;

(iii) Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang là người quản lý (áp dụng đối với trường hợp là doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng);

(iv) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ (trong đó có nội dung xác nhận nhân sự là người quản lý) và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại đơn vị của nhân sự.

c) Đối với điều kiện “có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán”: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và thời gian nhân sự làm việc tại các bộ phận này hoặc bản sao các văn bản chứng minh bộ phận công tác, thời gian đảm nhiệm nhiệm vụ của nhân sự tại bộ phận này.

d) Đối với điều kiện “có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và thời gian nhân sự làm việc tại bộ phận nghiệp vụ này hoặc bản sao các văn bản chứng minh bộ phận công tác, thời gian đảm nhiệm nhiệm vụ của nhân sự tại bộ phận này.

8. Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhân sự dự kiến giữ chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng quy định tại điểm c khoản 4 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng, cụ thể:

a) Đối với điều kiện “có ít nhất 05 năm làm người điều hành tổ chức tín dụng”:

(i) Nội dung Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định về người điều hành;

(ii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại tổ chức tín dụng của nhân sự.

b) Đối với điều kiện “có ít nhất 5 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 5 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán”:

(i) Bản sao các báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang giữ chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc);

(ii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ của

nhân sự hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại doanh nghiệp của nhân sự;

(iii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và thời gian nhân sự làm việc tại lĩnh vực này hoặc bản sao các văn bản chứng minh lĩnh vực công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự tại lĩnh vực này.

c) Đối với điều kiện “có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán”: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và thời gian nhân sự làm việc tại lĩnh vực này hoặc bản sao các văn bản chứng minh lĩnh vực công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự tại lĩnh vực này.

9. Tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện “có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán” đối với nhân sự dự kiến giữ chức danh thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và thời gian nhân sự làm việc tại lĩnh vực này hoặc bản sao các văn bản chứng minh lĩnh vực công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự tại lĩnh vực này.

10. Đối với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm thuộc trường hợp ngoại lệ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 42, điểm đ, e khoản 2 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng: Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cử nhân sự dự kiến làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng; cử, chỉ định, bổ nhiệm nhân sự dự kiến tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng hoặc tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ.

11. Tài liệu chứng minh việc đáp ứng “có đạo đức nghề nghiệp”:

a) Nội dung đánh giá và cam kết của nhân sự về việc nhân sự đáp ứng “có đạo đức nghề nghiệp” quy định tại Điều 6 theo mẫu Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản đánh giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi nhân sự dự kiến đã từng công tác theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Hồ sơ đề nghị chấp thuận dự kiến bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Văn bản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận dự kiến bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh tại Việt Nam, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:

a) Lý do của việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Họ và tên; chức danh và đơn vị công tác hiện tại; số Chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số định danh cá nhân (đối với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của Tổng giám đốc (Giám đốc) dự kiến được bổ nhiệm;

c) Đánh giá về việc Tổng giám đốc (Giám đốc) dự kiến được bổ nhiệm đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan, trong đó đánh giá cụ thể việc đáp ứng đối với từng điều kiện.

2. Văn bản của đại diện có thẩm quyền của ngân hàng nước ngoài thông qua việc dự kiến bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

3. Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bổ nhiệm:

a) Đối với nhân sự dự kiến có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

b) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì ngân hàng nước ngoài phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng;

c) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm a, điểm b khoản này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm chi nhánh ngân hàng nước ngoài nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự không quá 06 tháng.

Nhân sự dự kiến có thể xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật.

4. Các hồ sơ, tài liệu quy định tại khoản 3, 5, 6, 8, 11 Điều 7 Thông tư này.

Điều 9. Thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước đối với đối tượng quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực đối với đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bổ sung hồ sơ.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực trong thời hạn tối đa 45 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ. Quá thời hạn này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải nộp lại bộ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này để Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực xem xét, chấp thuận.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, văn bản trả lời tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực phải nêu rõ lý do.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Mục 1. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

Điều 10. Thực hiện việc rà soát tiêu chuẩn, điều kiện nhân sự

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải rà soát, đánh giá về việc nhân sự dự kiến đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của các hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi nhân sự dự kiến đã từng công tác chịu trách nhiệm đánh giá về việc đáp ứng “có đạo đức nghề nghiệp” theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 11. Thực hiện thủ tục liên quan đến việc bầu, bổ nhiệm nhân sự

1. Lập hồ sơ, bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu và thực hiện thủ tục đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện việc bầu, bổ nhiệm nhân sự theo đúng quy định của pháp luật và trên cơ sở danh sách dự kiến nhân sự đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

Điều 12. Thực hiện chế độ thông báo, báo cáo

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài kịp thời thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước về những thay đổi liên quan đến việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của nhân sự dự kiến được bầu, bổ nhiệm phát sinh trong quá trình Ngân hàng Nhà nước xem xét hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự hoặc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự cho đến khi nhân sự được bầu, bổ nhiệm theo quy định sau đây:

a) Đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Thông tư này: gửi Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng;

b) Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này: gửi Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày bầu, bổ nhiệm các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải có văn bản thông báo cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này về danh sách những người được bầu, bổ nhiệm theo mẫu Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

Mục 2. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Điều 13. Trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng

1. Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có trách nhiệm là đầu mối đánh giá việc đáp ứng hồ sơ, tiêu chuẩn, điều kiện của nhân sự dự kiến của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Thông tư này theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và Thông tư này; lấy ý kiến các đơn vị liên quan; tổng hợp và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại nêu tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này; có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nêu tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

2. Tiếp nhận thông báo của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nêu tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này; xem xét, đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của nhân sự dự kiến hoặc biện pháp xử lý.

3. Tiếp nhận, rà soát thông báo của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này. Trường hợp phát hiện sai

sót, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xử lý hoặc đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước biện pháp xử lý.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có văn bản thông báo cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Thông tư này thông tin về việc bầu, bổ nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) đảm nhiệm người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng hoặc thay đổi người đại diện theo pháp luật; thông tin về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 14. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Khu vực

1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có trách nhiệm đánh giá việc đáp ứng hồ sơ, tiêu chuẩn, điều kiện của nhân sự dự kiến của chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và Thông tư này; lấy ý kiến các đơn vị liên quan; có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận dự kiến nhân sự của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Ngân hàng Nhà nước Khu vực có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản (theo mẫu Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này) trên cơ sở đề nghị của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

3. Tiếp nhận thông báo của chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này; xem xét việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của nhân sự dự kiến hoặc biện pháp xử lý.

4. Tiếp nhận, rà soát thông báo của chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này. Trường hợp phát hiện sai sót, Ngân hàng Nhà nước Khu vực yêu cầu chi nhánh ngân hàng nước ngoài xử lý hoặc đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước biện pháp xử lý nếu vượt thẩm quyền.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày chi nhánh ngân hàng nước ngoài có văn bản thông báo cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Thông tư này về danh sách bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 15. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan khác thuộc Ngân hàng Nhà nước

Các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản theo đề nghị của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2019/TT-NHNN ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 10/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài hết hiệu lực thi hành từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 17;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, PC, ATHT1 (03 bản).

THỐNG ĐỐC